CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 05/HCHV/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức : CÔNG TY TNHH MTV HỮU CƠ HUẾ VIỆT
Địa chỉ : 57 Nguyễn Khoa Vy, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế
Điện thoại : 0906 452267
E-mail : huucohueviet@gmail.com
Mã số doanh nghiệp: 3301582491
Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 0095/2018/NNPTNT-TTH
- Ngày Cấp : 10/12/2018
- Nơi cấp : Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản Tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. Thông tin về sản phẩm
1. Tên sản phẩm : HẠT ĐẬU XANH HUẾ VIỆT
2. Thành phần : 100% đậu xanh thuần chủng
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 6 tháng kể từ ngày sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Túi chân không PA 300gram

III. Mẫu nhãn sản phẩm
(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm
Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Huế, ngày 20 tháng 12 năm 2018
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 3301582491-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN MTV HỮU CƠ HUẾ VIỆT
TP. HUẾ T.T.H

Nguyễn Thị Huệ

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN XÂY DỰNG CƠ SỞ
Đính kèm theo BẢNG TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM số 05/HCHV/2018

Ngày 20 tháng 12 năm 2018

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

	Tên sản phẩm	Số: 05/2018
CÔNG TY TNHH MTV HỮU CƠ HUẾ VIỆT	**Hạt đậu xanh**	

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Mức công bố
1	Màu sắc	Màu xanh lá cây
2	Mùi	Thơm của đậu xanh, không có mùi lạ
3	Vị	Vị ngọt đặc trưng của ngũ cốc, không có vị lạ
4	Trạng thái	Dạng hạt, khô rời, không mốc, không lẫn tạp chất

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh:

STT	Tên tiêu chuẩn	ĐVT	Mức tối đa
1	Tổng số VSV hiếu khí	CFU/g	10^6
2	Coliform tổng số	CFU/g	10^3
3	E. coli	CFU/g	10^2
4	Staphyococcus aureus	CFU/g	10^2
5	Cl. perfringens	CFU/g	10^2
6	B. cereus	CFU/g	10^2
7	TSBTNM-M	CFU/g	10^3

1.3. Các chỉ tiêu kim loại nặng:

STT	Tên tiêu chuẩn	ĐVT	Mức tối đa
1	Arsen	mg/kg	1
2	Cadmi	CFU/g	0.1
3	Chì	CFU/g	0.2

Scanned with CamScanner

1.4. Các chỉ tiêu độc tố:

STT	Tên tiêu chuẩn	ĐVT	Mức tối đa
1	Ochratoxin A	µg/kg	5

2. Thành phần cấu tạo: 100% hạt đậu xanh khô.

3. Thời hạn sử dụng: 06 tháng kể từ ngày sản xuất . Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy trình sản xuất: phần phụ lục

5. Nội dung ghi nhãn: theo nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa (mẫu nhãn đính kèm ở trang sau).

Huế, ngày 20 tháng 12 năm 2018

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN MTV HỮU CƠ

Nguyễn Thị Huệ

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO THAY ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Sản phẩm: HẠT ĐẬU XANH HUẾ VIỆT
Số tự công bố sản phẩm: 05/HCHV/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH MTV Hữu Cơ Huế Việt
Địa chỉ: 3/32 tổ 6, Ngọc Anh, phường Phú Thượng, quận Thuận Hóa, thành phố Huế
Điện thoại: 0914872980
E-mail: huucohueviet@gmail.com
Mã số doanh nghiệp: 3301582491
Tên và cơ sở sản xuất sản phẩm:
- Cơ sở sản xuất: CƠ SỞ SẢN XUẤT ỐNG HÚT CỎ HUẾ VIỆT
- Địa chỉ: Thôn Tả Hữu Tự, làng Phò Trạch, xã Phong Bình, Phong Điền, TP Huế
- Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 0075/NNPTNT-TTH do chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thừa Thiên Huế cấp ngày 17/10/2023.

II. Thông tin thay đổi:

1. Tên cơ sở sản xuất: Địa điểm kinh doanh Cơ sở sản xuất chế biến thuộc Công ty TNHH MTV Hữu cơ Huế Việt.

Địa chỉ: KQH hạ tầng dân cư, phường Hương Thủy, thành phố Huế, Việt Nam

2. Khối lượng tịnh: 300g (hoặc theo yêu cầu khách hàng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa)

3. Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 40012600.GC do Công ty cổ phần chứng nhận quản lý và chất lượng sản phẩm Greencert cấp ngày 12/01/2025.

4. Địa chỉ Công ty TNHH MTV Hữu Cơ Huế Việt: 3/32 tổ 6, Ngọc Anh, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế, Việt Nam.

5. Thay đổi mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm nội dung dự kiến ghi nhãn sản phẩm.

Các thông tin khác đã công bố theo Bản tự công bố sản phẩm số 05/HCHV/2018 ngày 20/12/2018 được giữ nguyên.

Công ty TNHH MTV Hữu Cơ Huế Việt xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Huế, ngày 21 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN MTV HỮU CƠ HUẾ VIỆT

Nguyễn Thị Huệ

Scanned with CamScanner

NỘI DUNG DỰ KIẾN GHI NHÃN SẢN PHẨM

(kèm theo Thông báo thay đổi, bổ sung nội dung Bản tự công bố sản phẩm)

TÊN SẢN PHẨM: HẠT ĐẬU XANH HUẾ VIỆT

THÀNH PHẦN: 100% đậu xanh thuần chủng

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Dùng để làm bột ngũ cốc, nấu cháo, nấu chè…

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN: Để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

HẠN SỬ DỤNG: 06 tháng

NGÀY SẢN XUẤT: xem trên bao bì.

THÔNG TIN CẢNH BÁO: Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng, ẩm mốc.

SẢN PHẨM CỦA: Công ty TNHH MTV Hữu Cơ Huế Việt

Địa chỉ: 3/32 tổ 6, Ngọc Anh, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế, Việt Nam

Điện thoại: xxxxxxxxxx

SẢN XUẤT TẠI: ĐĐKD CSSX CB thuộc Công ty TNHH MTV Hữu Cơ Huế Việt

Địa chỉ: KQH hạ tầng dân cư, phường Hương Thủy, thành phố Huế, Việt Nam

Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

Số TCB: 05/HCHV/2018

KHỐI LƯỢNG TỊNH: 300g

XUẤT XỨ: Việt Nam

Huế, ngày 21 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3301582491 C.T.N.H.H. CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN MTV HỮU CƠ HUẾ VIỆT PHƯỜNG MỸ THƯỢNG - T.P HUẾ

Nguyễn Thị Huệ

Scanned with CamScanner

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTRE 2
Website: quatest2.com.vn; **Email:** quatest2@quatest2.com.vn

Số/№: 1764/3-K8/ 5723/KT2-HC2 Ngày/*Date of issue*: 08/10/2018 Trang/*Page*: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/*Name of sample*: **ĐẬU XANH**
2. Khách hàng/*Client*: CÔNG TY TNHH MTV HỮU CƠ HUẾ VIỆT
3. Địa chỉ/*Address*: 57 Nguyễn Khoa Vy, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế
4. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving*: 21/9/2018
5. Ngày thử nghiệm/*Date of testing*: từ ngày/*from*: 21/9/2018 đến ngày/*to*: 08/10/2018
6. Tình trạng mẫu/*State of sample*: Mẫu khoảng 200g; được chứa trong túi nilon kín, hút chân không (x 2 túi)
7. Ký hiệu mẫu/*Mark of sample*:
8. Số lượng mẫu/*Quantity*: 01
9. Kết quả thử nghiệm/*Test results*:

TT /*Items*	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ *Test properties, unit*		PHƯƠNG PHÁP THỬ/ *Test methods*	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *Test results*
1	Hàm lượng Pb	mg/kg	AOAC 999.11 (2012)(A)	< 0,05 (MQL)
2	Hàm lượng Cd	mg/kg	AOAC 999.11 (2012)(A)	0,103
3	Hàm lượng As	mg/kg	AOAC 986.15 (2012)(A)	< 0,05 (MQL)
4	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015(A)	$7,0 \times 10^3$
5	*Coliforms*	CFU/g	TCVN 6848:2007(A)	KPH (< 10)
6	*E.coli*	CFU/g	TCVN 7924-2:2008(A)	KPH (< 10)
7	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	TCVN 4830-1:2005(A)	KPH (< 10)

Ghi chú/*Notes*:
- KPH: không phát hiện/*Not detectable*
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/*The sample, mark, client are named by client's requirements.*
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gởi đến/*The test results are valid only for the received sample from client.*
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/*This test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2.*
- (A): Phép thử được BoA công nhận/*Test method is accreditated by BoA.*
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit*
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Method Quantification Limit*

PHỤ TRÁCH PHÒNG KỸ THUẬT 8
Head of Technical Division 8

Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
Director

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Trung

Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax:3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.

Scanned with CamScanner

Mã truy xuất online

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

Form code/ *Mã biểu mẫu*: MKL-TT04-BM03 LBH.06

I. CLIENT INFORMATION/ *THÔNG TIN KHÁCH HÀNG*:

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*)	:	CÔNG TY TNHH MTV HỮU CƠ HUẾ VIỆT
Address (*Địa chỉ*)	:	Số 3/32 Tổ 6, Ngọc Anh, Phường Phú Thượng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ *THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU*:

JOB No. (*Số phiếu yêu cầu phân tích*)	:	YC112226023
Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*)	:	Đậu xanh
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Mẫu chứa trong túi kín
Seal No *(Số niêm)*	:	Không niêm
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Khách hàng gởi mẫu
Sample received on (*Ngày nhận mẫu*)	:	31/10/2022
Sample tested on (*Ngày phân tích*)	:	31/10/2022
Report date (*Ngày trả kết quả*)	:	07/11/2022

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

Scanned with CamScanner

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

Form code/ *Mã biểu mẫu*: MKL-TT04-BM03 LBH.06

Code/ *Mã mẫu:*	**YC112226023/1**			
Sample name/ *Tên mẫu:*	Đậu xanh			
Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*
Tổng số bào tử nấm men, mốc.	TCVN 5166:1990	CFU/g	10 CFU/g	<10
Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC)(1)	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)	CFU/g	10 CFU/g	5.8x10^2
Aflatoxin tổng số	MKL-HH307 Ref: TCVN 7596:2007(ISO 16050: 2003)	µg/kg	0.500	ND
Indoxacarb(1)	AOAC 2007.01	mg/kg	0.002	ND

Scanned with CamScanner